

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIẾN TRÚC SB**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KIẾN TRÚC SB

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SB ARCHITECTURE AND  
CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SB ARCO

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108334093

**3. Ngày thành lập:** 22/06/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số 60/34F, ngõ 77 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982 708 448

Fax:

Email: [dvbien83@gmail.com](mailto:dvbien83@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8130        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330        |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4390        |
| 4.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1622        |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                       | 1629        |
| 6.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2592        |
| 7.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3100        |
| 8.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4100(Chính) |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4290        |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4311        |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4312        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                | 4322        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4329        |
| 15. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;<br>- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. | 7110        |
| 16. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7120        |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ thiết kế đô thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                    | 7410        |
| 18. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8129        |
| 19. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4210        |
| 20. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4220        |
| 21. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8121        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐINH VĂN BIÊN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/02/1983 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036083007691

Ngày cấp: 11/10/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 30, Xã Giao Thiện, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 60/34F, ngõ 77 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐINH VĂN BIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/02/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036083007691

Ngày cấp: 11/10/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 30, Xã Giao Thiện, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 60/34F, ngõ 77 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội